

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 150/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2026
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Lâm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Huỳnh Văn Sáu;
 2. Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2026/QĐ-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 2001; địa chỉ: số G, tổ A, ấp P, xã C, tỉnh An Giang; số căn cước công dân 089301018172, ngày 25/12/2022 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp M, xã N, tỉnh An Giang; số căn cước công dân 0890999017244; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà N và ông T do tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, Trong thời gian chung sống, vợ chồng sinh được con chung tên Huỳnh Tú T1, sinh ngày 07/10/2022. Hiện tại, cháu T1 đang sống cùng với bà N. Bà N và ông T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã nhau, ông T không quan tâm đến vợ con, vấn đề kinh tế gia đình. Bà N có khuyên nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Vợ chồng đã không sống chung từ đầu năm 2023 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông T; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp bao gồm: Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Kim N; Căn cước công dân của bà Nguyễn Thị Kim N (bản sao); Giấy khai sinh của Huỳnh Tú T1 (bản sao) và Trích lục kết hôn (bản sao).

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N đối với ông T; bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Tú T1, sinh ngày 07/10/2022, ông T không phải cấp dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh T, ông T cư trú xã N trên địa bàn Khu vực 11, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

Khu vực 11, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Kim N, ông Huỳnh Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà N có đơn vắng mặt, ông T vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim N khai, bà N và ông T do tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà N xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi, ông T không quan tâm đến vợ con, vấn đề kinh tế gia đình. Vợ chồng đã không sống chung từ đầu năm 2023 đến nay không tới lui thăm nhau.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà N và ông T bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau và không còn sống chung từ đầu năm 2023 đến nay, không tới lui thăm nhau. Ông T cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu ly hôn của bà N. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà N và ông T là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Tú T1, sinh ngày 07/10/2022. Hiện con chung đang sống cùng với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung hiện do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặc khác, ông T cũng không có ý kiến về việc nuôi con của bà N. Để đảm bảo ổn định cho con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kim N không yêu cầu ông Huỳnh Thanh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Tú T1, sinh ngày 07/10/2022, ông Huỳnh Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Kim N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Huỳnh Thanh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 302213 do Thi hành án dân sự Khu vực 11, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 3 năm 2026; bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

Ông Huỳnh Thanh T không phải chịu án phí.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Kim N, ông Huỳnh Thanh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 11 (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS Khu vực 11 (1);
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Nhon Mỹ;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm